

Số: 395 / TB-CĐCNTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 Tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc nộp học phí HK2-NH 2025-2026 Cao đẳng – Khóa 25
Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thông Tin TP.HCM Thông báo

Thời gian nộp học phí: Từ ngày 01/12/2025 đến hết ngày 09/01/2026.

(1) Mức thu học phí: (xem bảng đính kèm)

(2) Cách thức nộp học phí như sau:

1. Nộp học phí online qua trang web trường.
2. Nộp tiền mặt tại Phòng Kế hoạch Tài chính (Lầu 1- Dãy nhà A).
3. Nộp vào Tài khoản ngân hàng của nhà trường:

Thông tin tài khoản:

- Tên TK: Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thông tin.TP.HCM
- Số tài khoản: 8680008866
- Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- TP HCM
- Khi nộp tiền qua ngân hàng ở phần "Nội dung nộp tiền" sinh viên ghi:
Mã số sinh viên - Họ và Tên - Học phí HK....H 20.... - 20....

4. Hóa đơn học phí (hóa đơn điện tử) sẽ được gửi vào địa chỉ email mà nhà trường đã cấp cho mỗi sinh viên từ đầu khóa học.

(3) Trường hợp Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (Có hồ sơ minh chứng):

- Liên hệ Phòng Công Tác Sinh Viên để được hướng dẫn.
 - Đối với Sinh viên cam kết hoàn thành học phí trước khi thi giữa kỳ thì thời hạn cam kết không quá 2 tuần.
- Sau thời hạn đã cam kết mà Sinh viên chưa hoàn thành học phí sẽ bị hủy kết quả thi giữa kỳ.

➤ Mọi thắc mắc liên quan đến học phí vui lòng liên hệ Phòng Kế Hoạch Tài Chính số điện thoại 38605003 trong giờ hành chính để được hỗ trợ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HSSV;
- Phòng CTSV;
- Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lê Vũ Hùng



Mức thu học phí học kỳ 2 Cao đẳng khóa 25 Năm học 2025-2026
theo thông báo nộp học phí số 445/TB. ngày 27/11/2025

Ngành nghề	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Đơn giá	Thành tiền
Ngành Công nghệ thông tin chất lượng cao – K25	MH503904	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	693,000	2,772,000
	MH503906	Tiếng Anh B1	3	693,000	2,079,000
	MĐ501902	Cơ sở lập trình	4	693,000	2,772,000
	MĐ501903	Cơ sở dữ liệu	4	693,000	2,772,000
	MĐ501908	Thiết kế web 2	4	693,000	2,772,000
		CỘNG	19		13,167,000
Ngành Công nghệ thông tin lớp tối CD25CT11	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	495,000	1,485,000
	MĐ501005	Thiết kế đồ họa	3	495,000	1,485,000
	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501045	Lập trình PHP 1	3	495,000	1,485,000
	MH502001	Giáo dục thể chất	2	495,000	990,000
		CỘNG	20		9,900,000
Ngành Công nghệ thông tin lớp CT1, 2, 3, 4, 5	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	495,000	1,485,000
	MĐ501005	Thiết kế đồ họa	3	495,000	1,485,000
	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501045	Lập trình PHP 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501002	Cấu trúc máy tính	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	21		10,395,000

Ngành Công nghệ thông tin lớp 6, 7, 8	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	495,000	1,485,000
	MĐ501005	Thiết kế đồ họa	3	495,000	1,485,000
	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501045	Lập trình PHP 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501002	Cấu trúc máy tính	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	21		10,395,000
Ngành Công nghệ thông tin CD25CT9	MĐ501209	Cơ sở lập trình	4	495,000	1,980,000
	MĐ501002	Cấu trúc máy tính	3	495,000	1,485,000
	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501005	Thiết kế đồ họa	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	16		7,920,000
Ngành Lập trình máy tính	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	495,000	1,485,000
	MĐ501005	Thiết kế đồ họa	3	495,000	1,485,000
	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501145	Lập trình Android cơ bản	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	16		8,910,000
Ngành Thiết kế đồ họa	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MH502001	Giáo dục thể chất	2	495M000	990,000
	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	495M000	1,485,000
	MĐ501027	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator	3	495M000	1,485,000
	MĐ501029	Thiết kế chuyển động 2D	3	495,000	1,485,000
	MĐ501031	Thiết kế đồ họa với Corel DRAW	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	20		9,900,000

Ngành Thiết kế đồ họa CD25DH6	MH501154	Nhập môn đồ họa	5	495,000	2,475,000
	MĐ501026	Thiết kế hình ảnh với Adobe Photoshop	3	495,000	1,485,000
	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MĐ501027	Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator	3	495,000	1,485,000
	MĐ501029	Thiết kế chuyển động 2D	3	495,000	1,485,000
	MĐ501031	Thiết kế đồ họa với Corel DRAW	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	23		11,385,000
Ngành Truyền thông và mạng máy tính	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MĐ501180	CCNA1	4	495,000	1,980,000
	MĐ501208	Cơ sở dữ liệu	4	495,000	1,980,000
	MĐ501008	Giải quyết sự cố mạng	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	17		8,415,000
Ngành Truyền thông mạng máy tính CD25TM5	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	495,000	1,980,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MĐ501208	Cơ sở dữ liệu	4	495,000	1,980,000
	MĐ501008	Giải quyết sự cố mạng	3	495,000	1,485,000
	MĐ501002	Cấu trúc máy tính	3	495,000	1,485,000
	MĐ501180	CCNA1	4	495,000	1,980,000
		CỘNG	21		10,395,000
Ngành Công nghệ kỹ thuật Tự động hóa	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MĐ501267	Thiết kế mạch điện tử	3	495,000	1,485,000
	MĐ501080	Đo lường và cảm biến	3	495,000	1,485,000
	MĐ501239	Lý thuyết mạch	2	495,000	990,000
	MĐ501078	An toàn điện	3	495,000	1,485,000
	MH501155	Nhập môn kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	2	495,000	990,000
		CỘNG	19		9,405,000

Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa CD25DT2	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MĐ501267	Thiết kế mạch điện tử	3	495,000	1,485,000
	MĐ501080	Đo lường và cảm biến	3	495,000	1,485,000
	MĐ501239	Lý thuyết mạch	2	495,000	990,000
	MĐ501078	An toàn điện	3	495,000	1,485,000
	MH501155	Nhập môn kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	2	495,000	990,000
		CỘNG	19		9,405,000
Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MĐ501239	Lý thuyết mạch	2	495,000	990,000
	MĐ501078	An toàn điện	3	495,000	1,485,000
	MĐ501218	Hệ điều hành	3	495,000	1,485,000
	MĐ501002	Cấu trúc máy tính	3	495,000	1,485,000
	MĐ501280	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật máy tính	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	20		9,900,000
Ngành Truyền thông đa phương tiện	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MĐ501006	Thiết kế Web 1	3	495,000	1,485,000
	MĐ501172	Thiết kế hình ảnh	3	495,000	1,485,000
	MĐ501245	Nhiếp ảnh và xử lý hình ảnh	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	15		7,425,000
Ngành Thiết kế trang web	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	495,000	1,485,000
	MĐ501208	Cơ sở dữ liệu.	4	495,000	1,980,000
	MĐ501268	Thiết kế và xử lý ảnh Web (Photoshop)	4	495,000	1,980,000
	MĐ501260	Thiết kế banner	4	495,000	1,980,000
		CỘNG	21		10,395,000

Ngành Thiết kế trang web CD25TW5	MĐ501209	Cơ sở lập trình	4	495,000	1,980,000
	MĐ501268	Thiết kế và xử lý ảnh Web (Photoshop)	4	495,000	1,980,000
	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MĐ501208	Cơ sở dữ liệu	4	495,000	1,980,000
	MĐ501232	Lập trình hướng đối tượng	3	495,000	1,485,000
	MĐ501260	Thiết kế banner	4	495,000	1,980,000
		CỘNG	25		12,375,000
Ngành Công Thương mại điện tử	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502020	Thanh toán quốc tế	3	495,000	1,485,000
	MĐ501269	Thiết kế giao diện web	4	495,000	1,980,000
		CỘNG	16		7,920,000
Ngành Thương mại điện tử CD25TD3	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MH502006	Kinh tế vi mô	3	495,000	1,485,000
	MH502009	Nguyên lý kế toán	3	495,000	1,485,000
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502020	Thanh toán quốc tế	3	495,000	1,485,000
	MĐ501269	Thiết kế giao diện web	4	495,000	1,980,000
		CỘNG	22		10,890,000
Ngành Logistic	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5đ)			
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502029	Logistics căn bản	3	495,000	1,485,000
	MH502141	Kinh tế quốc tế	2	495,000	990,000
	MH502146	Luật thương mại quốc tế	2	495,000	990,000
		CỘNG	16		7,920,000

Ngành Quản trị kinh doanh	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502133	Kế toán bán hàng	3	495,000	1,485,000
	MH502006	Kinh tế vi mô	3	495,000	1,485,000
	MH502009	Nguyên lý kế toán	3	495,000	1,485,000
	MH502909	Nhập môn chuỗi cung ứng	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	21		10,395,000
Ngành Quản trị kinh doanh CD25QT5	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MH502006	Kinh tế vi mô	3	495,000	1,485,000
	MH502009	Nguyên lý kế toán	3	495,000	1,485,000
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502133	Kế toán bán hàng	3	495,000	1,485,000
	MH502909	Nhập môn chuỗi cung ứng	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	21		10,395,000
Ngành Marketing	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào $\geq 5đ$)			
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502154	Nhập môn Digital Marketing	3	495,000	1,485,000
	MĐ502130	Đồ họa xử lý ảnh với Photoshop	3	495,000	1,485,000
	MH502006	Kinh tế vi mô	3	495,000	1,485,000
	MH502009	Nguyên lý kế toán	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	21		10,395,000



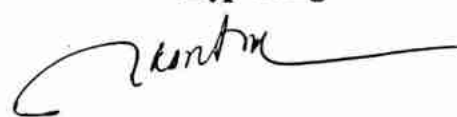
Ngành Marketing CD25MK5	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5 đ)			
	MH502006	Kinh tế vi mô	3	495,000	1,485,000
	MH502009	Nguyên lý kế toán	3	495,000	1,485,000
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502154	Nhập môn Digital Marketing	3	495,000	1,485,000
	MĐ502130	Đồ họa xử lý ảnh với Photoshop	3	495,000	1,485,000
		CỘNG	21		10,395,000
Ngành Kế toán	MH502003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	495,000	1,485,000
	MH510000	Tiếng Anh cơ bản ((SV có điểm kiểm tra TA đầu vào <5đ)	3	495,000	1,485,000
	MH510001	Tiếng Anh 1 (SV có điểm kiểm tra TA đầu vào ≥ 5 đ)			
	MH502013	Thuế	3	495,000	1,485,000
	MH502007	Quản trị học	3	495,000	1,485,000
	MH502128	Bài tập lớn nguyên lý kế toán	3	495,000	1,485,000
	MH502059	Kế toán tài chính 1	4	495,000	1,980,000
		CỘNG	19		9,405,000

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Đức Trinh

Lập bảng



Tô Thị Thanh Nhân